

# VỀ KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGÔ THỊ PHƯƠNG

*Khoa Triết học - ĐHKHXH&NV*

## 1. Khái niệm về khoa học xã hội và nhân văn

Những năm gần đây, thuật ngữ “KHXH&NV” được dùng nhiều hơn trong các văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước, để chỉ một nhóm ngành khoa học nghiên cứu về con người, về mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, bao gồm các bộ môn khoa học xã hội và các bộ môn khoa học nhân văn.

*Khoa học xã hội* (Social sciences) là khoa học nghiên cứu về những quy luật vận động và phát triển của xã hội - đó cũng là những quy luật phản ánh mối quan hệ giữa người và người, quan hệ giữa con người với xã hội, mà đối tượng của nó là các hiện tượng xã hội nảy sinh từ mối quan hệ giữa người và người. Bởi vì, theo C.Mác: “Xã hội - cho dù nó có hình thức nào đi nữa - là cái gì? là sản phẩm của sự tác động qua lại giữa những con người” (4, tr.657). Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Hiểu biết đấu tranh dân tộc và đấu tranh xã hội. Khoa học xã hội do đó mà ra” (7, tr.235).

*Khoa học nhân văn* (Humanities) là khoa học nghiên cứu về con người, tuy nhiên, chỉ nghiên cứu đời sống tinh thần của con người, những cách xử sự, hoạt động của cá nhân và tập thể, bao gồm các bộ môn: Triết học, Văn học, Tâm lý học, Đạo đức học, Ngôn ngữ học... Khoa học nhân văn chính là khoa học nghiên cứu việc phát triển nhân cách về đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ, tư tưởng, tình cảm... của con người. Đây là điều phân biệt khoa học nhân văn với một số bộ môn khác của khoa học tự nhiên, khi nghiên cứu về con người.

Khoa học nhân văn góp phần hình thành và phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan, năng lực tư duy của con người, của một cộng đồng, giai cấp... Đúng như ý kiến của GS. Nguyễn Khánh Toàn, khi đánh giá chức năng của Văn học: "Văn học nâng cao phẩm giá dân tộc và phẩm giá con người. Hơn bất cứ lĩnh vực nào trong nền văn hoá, văn học là thước đo chính xác cuộc sống tinh thần của một dân tộc, trình độ trưởng thành của họ về tình cảm, tư duy và thẩm mỹ. Nhìn vào nền văn học giàu đẹp của một dân tộc, người ta biết dân tộc ấy có tâm hồn lớn, có chí cao..." (8, tr.133). Nhận định này hoàn toàn đúng với các bộ môn khác của khoa học nhân văn.

Giữa khoa học xã hội và khoa học nhân văn tuy có sự phân biệt với nhau, song lại có quan hệ gần gũi, rất khó có thể phân định một cách rạch ròi, đặc biệt trong xu thế các khoa học thâm nhập, giao thoa, đan xen vào nhau hiện nay. Khoa học xã hội bao giờ cũng bao hàm trong nó những nội dung, mục đích nhân văn. Bất cứ một vấn đề nào của xã hội cũng đều đụng chạm đến nhu cầu, lợi ích, nguyện vọng, đạo đức, lối sống, tư tưởng của con người, tức liên quan đến những vấn đề nhân văn. Khoa học xã hội bao giờ cũng hướng tới những giá trị nhân văn là con người phát triển tự do và toàn diện. Còn khoa học nhân văn thì luôn mang bản chất xã hội, vì thực tế, con người là một sinh vật - xã hội. Sự hiểu biết về con người, dân tộc và những giá trị tinh thần của con người cho khoa học xã hội một cái nhìn cụ thể - lịch sử. Mặt khác, những giá trị tinh thần của con người bao giờ cũng thể hiện và phát triển trong bối cảnh xã hội lịch sử cụ thể. Cấu trúc tinh thần của con người được tạo nên bởi những tác động của các quan hệ xã hội.

Con người vừa là sản phẩm của xã hội vừa là chủ thể của xã hội. Nghiên cứu con người, không thể tách khỏi xã hội và khi nghiên cứu xã hội, không thể tách khỏi con người, tách khỏi chủ thể của nó. Vậy nên, phân biệt khoa học xã hội và khoa học nhân văn chỉ mang tính tương đối.

Do mối quan hệ gần gũi, "không thể rạch ròi" giữa khoa học xã hội và khoa học nhân văn, nên ở nước ta chúng được xếp chung vào một nhóm ngành - KHXH&NV. Trong phân loại khoa học, KHXH&NV là một bộ phận, tương đương với các ngành khoa học khác: khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ.

Như vậy, *KHXH&NV* là nhóm ngành khoa học nghiên cứu về xã hội và con người, về những điều kiện sinh hoạt của con người, những quy luật phản ánh lịch sử hình thành và phát triển của xã hội, nghiên cứu cơ chế vận dụng quy luật đó, nhằm thúc đẩy xã hội vận động, phát triển.

Khác với *KHXH&NV*, khoa học tự nhiên là khoa học về giới tự nhiên, mà "đối tượng của nó là các dạng vật chất và các hình thức vận động của của những dạng vật chất đó, được thể hiện trong giới tự nhiên, là những mối liên hệ và quy luật của chúng" [9, tr.280]. Con người là một thực thể sinh vật - xã hội, là một dạng của vật chất. Chính vì vậy, con người cũng là đối tượng nghiên cứu khoa học tự nhiên.

*Khoa học công nghệ* là khoa học về những phương pháp, quy trình, kỹ năng, bí quyết, công cụ, phương tiện để biến đổi các nguồn lực thành sản phẩm, nhờ đó con người có thể "nối dài" đôi tay của mình trong quá trình lao động. Để có được "công nghệ", đòi hỏi phải trên cơ sở sự hiểu biết về tự nhiên và về chính bản thân con người, nhờ trí tuệ và thông qua lao động mà con người từng bước cải tiến công nghệ. Vậy, cũng như khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ liên quan mật thiết đến con người.

Tuy nhiên, những bộ môn của khoa học tự nhiên (Sinh học, Nhân chủng học, Giải phẫu học...) nghiên cứu các đặc điểm, thuộc tính tự nhiên (mặt tự nhiên) của con người như là những điều kiện, tiền đề khách quan để hình thành năng lực của con người; nghiên cứu mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, qua đó cho thấy khả năng thích nghi và chinh phục tự nhiên của con người. Thành tựu của khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ cung cấp luận cứ cho sự hình thành những chủ trương, biện pháp điều chỉnh hoạt động của con người, đảm bảo sự hài hoà trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, để con người thực sự là một "bộ phận" của tự nhiên chứ không thể là lực lượng đối lập với tự nhiên. Còn *KHXH&NV* đi sâu nghiên cứu mặt xã hội của con người, nghiên cứu những quy luật về mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, những quy luật về sự hình thành, tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

Khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ và *KHXH&NV* tuy có sự khác biệt, song lại có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Bởi vì, giữa con



người và tự nhiên không có sự tách rời tuyệt đối. Lịch sử tự nhiên và lịch sử nhân loại gắn bó với nhau, quy định lẫn nhau. Như khẳng định của C.Mác và Ph.Ăngghen: "Có thể chia lịch sử thành lịch sử tự nhiên và lịch sử nhân loại. Tuy nhiên, hai mặt đó không tách rời nhau. Chừng nào mà loài người còn tồn tại thì lịch sử của họ và lịch sử tự nhiên quy định lẫn nhau" (6, tr.25).

Trong mối quan hệ đó, khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ cung cấp cơ sở và phương tiện cho sự khái quát tri thức KHXH&NV. Ngược lại, KHXH&NV - Triết học, Chính trị học, Xã hội học, Tâm lý học... định hướng, mở đường, thúc đẩy cho sự phát triển khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ. KHXH&NV cung cấp công cụ nhận thức cho khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ mà trước hết là phép biện chứng duy vật.

Lịch sử phát triển của khoa học cho thấy: khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ và KHXH&NV ngày càng gắn bó mật thiết với nhau. Đúng như tiên đoán của C.Mác: "Về sau khoa học tự nhiên bao hàm trong nó khoa học về con người cũng như khoa học về con người bao hàm trong nó khoa học tự nhiên: đó sẽ là một khoa học"[5, tr.179]. Sự phát triển của khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ luôn đặt loài người trước vấn đề ứng dụng những thành tựu ấy theo hướng nào. Những thành tựu đó được áp dụng có thể sẽ tạo nên một xã hội nhân văn, tiến bộ hoặc phản nhân văn, phản con người. Bởi vậy, đòi hỏi phải có những thành tựu tương ứng của KHXH&NV để cho những thành tựu của khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ đều hướng tới xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ, vì sự phát triển con người.

Hiện nay, KHXH&NV cần đi tới gần hơn với khoa học tự nhiên, áp dụng những thành tựu công nghệ hiện đại để nghiên cứu, khái quát sự phát triển của xã hội. Chẳng hạn, Toán học đã đi vào KHXH&NV, làm cho khoa học này ngày càng được "lượng hoá". Nhiều bộ môn của KHXH&NV như: Kinh tế học, Tâm lý học, Xã hội học, Khoa học quản lý, Khảo cổ học sử dụng nhiều phương pháp của khoa học tự nhiên, công nghệ hiện đại để tìm hiểu, khám phá các vấn đề phức tạp của xã hội như: phương pháp phân tích định lượng, phân tích quang phổ, nghiên cứu thạch học, nghiên cứu kỹ thuật cổ, v.v... Cũng do khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ phát triển, mà nhiều vấn đề luận lý, đạo

đức, văn hoá nảy sinh từ những thành tựu mà con người đạt được như: sinh sản vô tính, cấy ghép các cơ quan của cơ thể con người, lão khoa, cái chết an lạc, vấn đề di truyền... Góp phần giải quyết những vấn đề đó phải có sự hợp tác, can thiệp của các bộ môn KHXH&NV như: Xã hội học, Tâm lý học, Luật học, Đạo đức học, v.v.

## 2. Đặc điểm của khoa học xã hội và nhân văn

Căn cứ vào đối tượng nghiên cứu, ta thấy KHXH&NV có những đặc điểm:

*Thứ nhất, KHXH&NV là khoa học mang tính chính trị, tính giai cấp rõ nét.*

Khi xã hội có sự phân chia giai cấp, các khoa học đều mang tính chính trị, tính giai cấp. Đối với khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ, do đối tượng nghiên cứu của nó là các hiện tượng tự nhiên, quy luật tự nhiên, nên tính chính trị, tính giai cấp thể hiện gián tiếp hoặc không rõ nét. Chỉ khi thành tựu của nó được sử dụng vì mục đích gì, vì lợi ích của giai cấp nào, thì tính chính trị, tính giai cấp của nó mới bộc lộ nhiều hơn. Khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ thường ít gắn với hệ tư tưởng, mà gắn với sản xuất. Còn KHXH&NV lại gắn rất chặt với các vấn đề chính trị, đến hệ tư tưởng. Bởi vì, KHXH&NV nghiên cứu các hiện tượng xã hội, tức các hiện tượng do hoạt động của con người tạo ra. Mỗi con người đều thuộc về một giai cấp và hoạt động của họ đều bị chi phối bởi hệ tư tưởng, lợi ích của giai cấp đó. Như V.I Lênin đã từng nhấn mạnh, trong xã hội có giai cấp, không thể có một quan hệ xã hội "vô tư", mà đều là quan hệ có tính giai cấp. Do đó, tính chính trị của KHXH&NV thể hiện trực tiếp, rõ nét. Điều này không chỉ bộc lộ ở chỗ các thành tựu của khoa học này được sử dụng để giải quyết các vấn đề xã hội của một chế độ xã hội nhất định, mà tri thức KHXH&NV phần nào đã phản ánh như thế giới quan, nhân sinh quan, hệ tư tưởng chính trị của người nghiên cứu, sáng tạo ra nó. Vì vậy, độ "rủi ro" đối với người nghiên cứu KHXH&NV cao hơn, nếu kết quả nghiên cứu, sáng tạo của họ không phù hợp với hệ tư tưởng của giai cấp cầm quyền. Sinh mạng của họ không chỉ là sinh mạng của nhà khoa học mà là sinh mạng chính trị. Chính điều này, nhiều khi đã hạn chế khả năng sáng tạo của họ.



Ngoài ra, tính chính trị của KHXH&NV còn biểu hiện rõ khi tri thức khoa học đó liên quan trực tiếp đến việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển xã hội. Nếu đường lối, chính sách, chủ trương không dựa chắc trên những luận chứng, luận cứ khoa học, nhất là KHXH&NV đều thiếu tính khả thi, thậm chí trái với quy luật phát triển. Mặt khác, các kết quả, thành tựu của KHXH&NV được vận dụng vào thực tiễn có hiệu quả hay không, mức độ hiệu quả đó ra sao phụ thuộc lớn vào đường lối chính trị của một chế độ xã hội nhất định.

Tuy nhiên, sẽ là sai lầm nếu hiểu một cách thuần tuý KHXH&NV là khoa học chính trị. Khoa học chính trị chỉ là một bộ phận của nó. Ngoài tính chính trị, tính giai cấp, ngành khoa học này còn có những giá trị mang tính nhân loại, tính phổ quát. Nhiều thành tựu trong KHXH&NV, nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật... có giá trị trong mọi thời đại, sống mãi với thời gian, với nhân loại, làm cho KHXH&NV có giá trị tuyệt đối. Tính chính trị, tính giai cấp của KHXH&NV lại làm cho nó có giá trị tương đối. Tính nhân loại, phổ quát và tính chính trị, giai cấp ở khoa học này gắn quyện chặt chẽ với nhau, nên nhiều khi KHXH&NV bị hiểu và đối xử như là khoa học chính trị. Ngược lại, cũng sẽ là không đúng nếu như chỉ nhận thức được tính nhân loại, phổ quát, mà không thấy tính chính trị, giai cấp của nó. Cả hai xu hướng nhận thức đó đều thu hẹp rất nhiều phạm vi, vai trò của KHXH&NV.

*Thứ hai, KHXH&NV là khoa học mang tính trừu tượng, khái quát cao hơn.*

Các khoa học đều mang tính trừu tượng, khái quát. Song, ở KHXH&NV tính trừu tượng, khái quát nổi trội hơn, nhiều khi bị coi là chung chung, vô định hình. Những sự vật, hiện tượng của đời sống xã hội mà KHXH&NV nghiên cứu, không bộc lộ một cách đầy đủ, rõ ràng trong một không gian, thời gian nhất định, mà thường chỉ bộc lộ một khía cạnh nào đó của nó. Nghiên cứu KHXH&NV đòi hỏi phải có sự khái quát hoá, trừu tượng hoá cao mới có thể đi đến bản chất của sự vật, hiện tượng, quá trình.

Sản phẩm khoa học của KHXH&NV không mang lại hiệu quả kinh tế trực tiếp và nhanh chóng như khoa học tự nhiên hay khoa học công nghệ. Hiệu quả của nó là hiệu quả kinh tế - xã hội có ý nghĩa

rộng lớn, được thể hiện thông qua nhiều dạng hoạt động thực tiễn khác nhau và nhiều khi, phải sau một thời gian nhất định, thậm chí là lâu dài mới cho thấy đầy đủ. Cũng do tính trừu tượng, khái quát cao nên hoạt động nghiên cứu KHXH&NV dễ rơi vào tình trạng cảm tính, chủ quan, duy ý chí, sai lầm khi người nghiên cứu chưa đủ một “tâm khái quát”, chưa có “vốn sống” và sự trải nghiệm thực tiễn nhất định. Tính chất cụ thể, chính xác, dễ định lượng của khoa học tự nhiên, công nghệ cho phép người ta thành lập các phòng thí nghiệm trong nghiên cứu để tìm tòi, phát hiện, kiểm tra các kết quả nghiên cứu trước khi đưa ra sử dụng. Chính trong các phòng thí nghiệm, các sai lầm trong nghiên cứu của khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật được phát hiện và sửa chữa. Trong phòng nghiên cứu, thí nghiệm sai có ý nghĩa như thí nghiệm chứng minh chân lý. Đúng như nhà văn Alexandre Kron nói: một thí nghiệm gạt bỏ sự lầm lạc, cũng có giá trị như một thí nghiệm chứng minh cho chân lý. Nhưng tính trừu tượng của KHXH&NV không cho phép thành lập phòng thí nghiệm như vậy. Những kết luận của KHXH&NV chỉ sau một thời gian áp dụng vào cuộc sống, mới được thực tiễn kiểm nghiệm, chứng minh. Do vậy, những sai lầm trong nghiên cứu của KHXH&NV thường gây nên hậu quả nặng nề hơn, bằng chính cuộc sống của con người, đôi khi bằng sự sụp đổ của một chế độ xã hội.

*Thứ ba, đối tượng nghiên cứu của KHXH&NV biến đổi nhiều hơn trong không gian và thời gian khác nhau.*

Đối tượng nghiên cứu của khoa học tự nhiên là vật chất và các hình thức vận động của nó, đối tượng này tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào ý thức con người. Các quy luật tự nhiên diễn ra không cần có sự tác động của con người. Còn đối tượng của KHXH&NV là những hiện tượng xã hội. Các hiện tượng này không tồn tại độc lập bên ngoài mà bao giờ cũng gắn liền với hoạt động của con người. Các quy luật xã hội diễn ra thông qua hoạt động có ý thức của con người. Hoạt động của con người lại bị chi phối bởi yếu tố tâm lý như nhận thức, tình cảm, ý chí, nguyện vọng... Các yếu tố đó có thể đúng đắn hay sai lầm, có ý thức hoặc không, hay lẫn lộn cả hai. Tâm lý của người này và người kia lại rất khác nhau và cũng rất hay thay đổi ngay trong bản thân mỗi con người. Chính vì vậy, đối tượng nghiên cứu của



KHXH&NV biến đổi nhiều hơn. Bản thân những người nghiên cứu các hiện tượng xã hội cũng dễ không khách quan như những người nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên, vì các hiện tượng xã hội bao giờ cũng đụng chạm đến quyền lợi, tình cảm, thiên kiến... của người nghiên cứu, nên làm cho họ có thể mất tính khách quan, dễ đồng tình hoặc tìm cách phản đối, có thể đứng về phía người này hay người khác để quan sát và phân tích hiện tượng. Ph.Ăngghen đã viết: "Từ thời A-ri-xtôt đến nay, nói chung các loài hữu cơ vẫn không thay đổi. Trái lại, trong lịch sử xã hội, một khi chúng ta vượt quá trạng thái nguyên thủy của nhân loại, vượt quá cái gọi là thời đại đồ đá thì sự lặp lại các hiện tượng chỉ là ngoại lệ chứ không phải là thông lệ; và ở nơi nào có sự lặp lại như vậy thì điều đó cũng không bao giờ xảy ra trong hoàn cảnh hết như cũ" (1, tr.130).

Xã hội như một dòng sông không ngừng chảy, đúng như khẳng định của C.Mác: "Xã hội ngày nay hoàn toàn không phải là một khối kết tinh vững chắc, mà là một cơ thể có khả năng biến đổi và luôn luôn ở trong quá trình biến đổi" (3, tr.22). Xã hội của ngày hôm nay không giống ngày hôm qua, mỗi ngày qua đi lại có biết bao sự kiện mới nảy sinh. CNTB ở thế kỷ XVI chắc chắn sẽ không hoàn toàn giống với nó ở thế kỷ XIX và hiện nay. Cũng như vậy, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở thế kỷ XIX, thế kỷ XX và hiện nay, mặc dù đều chống áp bức bóc lột của giai cấp tư sản, song không giống nhau về hình thức, điều kiện, nội dung... đấu tranh. Trong nghiên cứu về con người Việt Nam, chúng ta nhận thấy, yêu nước là một truyền thống, nhưng trong đấu tranh giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, truyền thống đó được thể hiện ở những hành động khác nhau, nội dung khác nhau. Do vậy, nguyên tắc thống nhất giữa lịch sử và logic là yêu cầu không thể thiếu trong nghiên cứu của KHXH&NV.

*Thứ tư, KHXH&NV có tác động trực tiếp, to lớn và lâu dài đến hoạt động của toàn xã hội.*

Tri thức KHXH&NV phản ánh quy luật vận động và phát triển của xã hội nên nó có khả năng dự báo tương lai, hướng dẫn hành động cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. KHXH&NV còn định hướng cho khoa học công nghệ phát triển vì mục đích tiến bộ. Nó tác động



đến hệ tư tưởng, thế giới quan, nhân sinh quan của toàn xã hội, định hướng cho tư duy, lối sống, hành vi của các thành viên trong cộng đồng. Đồng thời, KHXH&NV còn phục vụ công tác chính trị, tư tưởng; xây dựng nền tảng tinh thần của đời sống con người; là động lực trực tiếp của sự phát triển kinh tế - xã hội. Đúng như khẳng định của GS. Nguyễn Khánh Toàn: "Các ngành khoa học xã hội như triết học, chính trị kinh tế học, sử học, khảo cổ học, dân tộc học, luật học, văn học nghệ thuật, ngôn ngữ học, v.v.. có trách nhiệm trực tiếp trong cách mạng tư tưởng văn hoá, trong sự nghiệp xây dựng kiến trúc thượng tầng của xã hội, đều cần thiết và có thể góp phần tích cực của mình vào việc xây dựng con người mới (8, tr.208).

Từ vai trò quan trọng như vậy, bất cứ lúc nào, nếu KHXH&NV không được quan tâm, coi trọng có nghĩa là đã triệt tiêu động lực cho sự phát triển bền vững, toàn diện của xã hội. Đó cũng là bài học của nước ta trong quá trình xây dựng CNXH. GS.TS Lê Quý An đã viết: "Một bài học rất có ý nghĩa, do không coi trọng vai trò khoa học xã hội nên trong một thời gian dài của thời kỳ vận hành cơ chế quản lý tập trung bao cấp, các ngành khoa học xã hội chưa được tạo điều kiện thuận lợi để tập trung nghiên cứu những luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ quá độ, do đó nền kinh tế Việt Nam đã có lúc gặp khủng hoảng gay gắt" (2, tr.21).

Ngày nay, cùng với thành tựu to lớn của khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, KHXH&NV đang có bước phát triển vượt trội. Sự phát triển đó bắt nguồn từ đòi hỏi của cuộc sống, từ sự phát triển của khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ. Những thành tựu của khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ có thể đem đến cho loài người sự tiến bộ, nhưng cũng có thể đem đến sự huỷ hoại môi trường, đe dọa sự sống của con người, hoặc tác dụng phản nhân văn khác tùy theo mục đích sử dụng của con người đối với chúng. Nổi đau mà con người phải chịu đựng khi hai quả bom nguyên tử ném xuống Hirôshima và Nagasaki của Nhật Bản là bằng chứng hùng hồn về điều đó. Vì vậy, vai trò định hướng của KHXH&NV đối với sự phát triển của khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ càng không thể thiếu được trong sự phát triển của xã hội hiện đại và tương lai.

Những nội dung trên cho thấy KHXH&NV là ngành rất "khó tính", đòi hỏi người làm KHXH&NV vừa phải có sự trải nghiệm thực

tiến, vừa phải có năng lực tư duy khái quát, tổng hợp cao. Đánh giá hiệu quả của KHXH&NV thường không dễ dàng và nhanh chóng. Trách nhiệm xã hội trong các kết quả nghiên cứu của nó đòi hỏi mọi kết luận có liên quan trực tiếp đến việc hoạch định chính sách, chủ trương, chương trình, kế hoạch phát triển xã hội đều phải thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng.

### Tài liệu tham khảo

1. Ph.Ăngghen (1994), "Chống Duy-rinh", *C.Mác và Ăngghen toàn tập, (tập 20)*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.15-450.
2. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường(1995), *50 năm khoa học và công nghệ Việt Nam 1945- 199*), Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
3. C.Mác (1993),"Phê phán khoa kinh tế chính trị", *C.Mác và Ph.Ăngghen, toàn tập, (tập 23)*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.1-1232.
4. C.Mác (1996), "Mác gửi Paven Va-xi-li-ê-vích An-nen-cốp ở Pari", *C.Mác và Ph.Ăngghen, toàn tập, (tập 27)*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.655-673.
5. C.Mác (2000), "Bản thảo kinh tế triết học năm 1844", *C.Mác và Ph.Ăngghen, toàn tập, (tập 42)*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
6. C.Mác và Ph.ăngghen (1995), "Hệ tư tưởng Đức", *C.Mác và Ph.Ăngghen, toàn tập, (tập 3)*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.19-793.
7. Hồ Chí Minh (2000), "Sửa đổi lối làm việc", *Hồ Chí Minh, Toàn tập, (tập 5)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.229-306.
8. Nguyễn Khánh Toàn, Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1992), *Một số vấn đề của khoa học nhân văn*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
9. *Từ điển Triết học* (1986), Nxb. Tiến bộ, Mátxcova.